TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 666/2025/DS-PT Ngày: 29-12-2025 V/v "Tranh chấp về thừa kế tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng

Ông Đặng Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 493/2025/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2025/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 644/2025/QĐXXPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 397/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số E Khu phố A, phường S, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994. Địa chỉ: Số C khu phố M, phường A, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị X, sinh năm 1946. Địa chỉ: Số H Khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Trần Ngọc N, sinh năm 2001. Địa chỉ: Số C Đ, phường B, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số A Khu phố B, Phường D, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long. (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Trần Lê Hương G, sinh năm 2000. Địa chỉ: Số C Đ, phường B, tỉnh Vĩnh Long. (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

3.2. Ủy ban nhân dân phường A, tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ: Số G Đại lộ Đ, phường A, tỉnh Vĩnh Long. (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Bà Huỳnh Thị H, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm;

** Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án; lời trình bày tại biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ông Huỳnh Văn D (sinh năm 1901, mất năm 2005) và bà Phan Thị M (sinh năm 1913, mất năm 1998) có 05 người con là bà Huỳnh Thị X, bà Huỳnh Thị H, ông Huỳnh Văn Q (đã chết), ông Huỳnh Văn B (đã chết) và bà Huỳnh Thị H1 (hiện định cư ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ). Di sản thừa kế là các thửa đất số 224 và 415, cùng tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long). Hiện thửa đất số 224 đã tách ra thành các thửa đất số 984, 985, 986, cùng tờ bản đồ số 8, tổng diện tích theo đo đạc là 7.495,2 m^2. Trước đây khi còn sống, cha bà H là ông D đã bán phần đất tranh chấp cho ông Huỳnh Văn M1, bà H đã bán phần đất khác có diện tích 4.500 m^2 để lấy 23 chỉ vàng 24K để đưa cho ông D và bà M chuộc lại đất và cùng quản lý, sử dụng đất với ông D, bà M (việc giao nhận vàng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh). Khi còn sống, ông D và bà M sống chung với bà H tại căn nhà số E, ấp A, xã M, thị xã B, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long). Đến năm 2004, do nhà ở xã M bị giải tỏa nên bà H về phần đất tranh chấp để cất nhà thì được biết bà X đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp. Qua tìm hiểu, bà H được biết ông Huỳnh Văn T là con của bà X đã tự ý kê khai phần đất của cha mẹ bà H và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994 và sau đó ông T chuyển nhượng thửa đất nêu trên lại cho bà X. Do ông D và bà M mất không có di chúc và việc ông T tự ý kê khai đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển nhượng cho bà X là không đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, bà Huỳnh Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy bỏ hợp đồng

chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05/10/1999 giữa ông T và bà X, đồng thời yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần diện tích theo đo đạc là 7.495,2 m^2 thuộc thửa đất số 244 (nay là thửa 984, 985, 986) và 415, cùng tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long). Cụ thể bà H yêu cầu nhận phần đất với tỷ lệ 43,39% là 3.252,1 m^2, tuy nhiên yêu cầu nhận giá trị với số tiền 1.626.315.000 đồng (tương đương với 23/53 chỉ vàng bỏ ra chuộc đất). Trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà H, đề nghị Tòa án xem xét công sức đóng góp của bà H trong việc chuộc đất.

** Theo bản tự khai; lời trình bày tại biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Bà Huỳnh Thị X thống nhất với lời trình bày của bà H về các hàng thừa kế của ông D, bà M và thống nhất về nguồn gốc đất là của ông D và bà M. Năm 1991, ông D bán phần đất tranh chấp cho ông Huỳnh Văn M1 với giá 53 chỉ vàng 24K, hai bên có làm giấy tay và từ đó ông D đã chấm dứt quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với thửa đất tranh chấp. Sau khi ông M1 mua đất khoảng 15 ngày thì bà X có đến gặp ông M1 để mua lại thửa đất mà ông D bán cho ông M1. Do bà X ở xa (Đồng Nai) nên bà X có để cho ông T là con ruột của bà X đứng ra thanh toán vàng cho ông M1, tuy nhiên do số vàng thanh toán chưa đủ tuổi nên ông M1 khởi kiện ông T ra Tòa án để yêu cầu thanh toán số vàng chênh lệch. Ngày 23/10/1992, Tòa án tiến hành hòa giải và công nhận kết quả hòa giải thành bằng Quyết định số 24 ngày 06/11/1992 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long) có nội dung ông T trả cho ông M1 08 chỉ vàng 24K còn thiếu, ông M1 đồng ý theo đề nghị của ông T. Sau khi có quyết định công nhận thỏa thuận của Tòa án, ông T đã đi kê khai và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được cấp giấy vào năm 1994, việc ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông D và bà M không có ý kiến hay phát sinh tranh chấp gì. Đến ngày 24/6/1999, Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long) ban hành Quyết định số 31 công nhận thỏa thuận giữa ông T và bà X, theo đó bà X giao lại cho ông T 08 chỉ vàng 24K, ông T chuyển toàn bộ quyền sử dụng đất trên cho bà X và bà X đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 06/7/2000, việc bà X được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông D không có ý kiến hay phát sinh

tranh chấp gì. Từ những căn cứ trên, bà X đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H.

** Theo bản tự khai; lời trình bày tại biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T trình bày:*

Vào khoảng năm 1991, ông ngoại của ông Huỳnh Văn T là ông Huỳnh Văn D (đã chết năm 2005) có chuyển nhượng phần đất có diện tích khoảng 8.000 m^2, diện tích trên thực tế là 7.720,9 m^2, tọa lạc tại Ấp A, xã P, thị xã B, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long) cho ông Huỳnh Văn M1. Phần đất trên thuộc thửa đất số 244 (hiện nay biến động thành các thửa 984, 985, 986) và thửa đất số 415, cùng tờ bản đồ số 08, có tổng diện tích 7.720,9 m^2, tọa lạc tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long). Các bên đã thực hiện xong thủ tục chuyển nhượng và ông ngoại ông T cũng đã giao đất cho ông M1 toàn quyền sử dụng, định đoạt. Do đây là phần đất của ông bà, mẹ ông T là bà Huỳnh Thị X có mong muốn giữ lại đất nên đã liên hệ với ông M1 để được nhận chuyển nhượng lại (chuộc lại) phần đất này với giá là 53 chỉ vàng 24K và ông M1 cũng đã đồng ý. Nhưng vì mẹ ông T lúc này đang cư trú ở xa, không tiện cho việc đi lại nên đã giao cho ông T trực tiếp thực hiện các thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông M1. Tuy nhiên, do ông T đã thanh toán cho ông M1 bằng số vàng không đủ tuổi nên ông M1 không đồng ý giao đất, từ đó các bên có phát sinh tranh chấp và có yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long) giải quyết. Trong quá trình giải quyết, các bên đã thỏa thuận được với nhau về phương án giải quyết tranh chấp và cũng đã được Tòa án ghi nhận theo Quyết định công nhận hòa giải thành số 24 ngày 06/11/1992 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo nội dung của Quyết định số 24 nêu trên thì ông T đã thay mặt mẹ ông T thực hiện thanh toán cho ông M1 đủ số tiền chênh lệch giá tương đương với 08 chỉ vàng 24K và ông M1 cũng đã bàn giao lại đất cho ông T và mẹ ông T. Do đó, thửa đất số 244 (nay là các thửa đất số 984, 985, 986) và thửa đất số 415, cùng tờ bản đồ số 08, tổng diện tích 7.720,9 m^2 tọa lạc tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long) là đất thuộc quyền sở hữu của mẹ ông T. Bởi vì, phần đất này có nguồn gốc từ ông ngoại ông T là ông Huỳnh Văn D, nhưng đã chuyển nhượng cho ông M1 và sau đó ông M1 cũng đã chuyển nhượng lại cho mẹ ông T. Bên cạnh đó, trong Quyết định hòa giải thành số 24 ngày 06/11/1992 cũng có ghi nhận nội dung ông ngoại ông T cho rằng "ông bán rồi không có chuộc lại, con cháu ông muốn chuộc thì tùy thuộc...".

Nay, bà Huỳnh Thị H khởi kiện yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng và chia di sản thừa kế đối với các phần đất nêu trên thì ông T nhận thấy là không đúng và cũng không đồng ý. Bởi vì đây là tài sản của mẹ ông T là bà Huỳnh Thị X dùng tiền của mình để nhận chuyển nhượng lại từ ông M1 chứ không còn là tài sản của ông ngoại ông T nữa nên không phải là di sản thừa kế.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2025/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long đã tuyên:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 244, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 691, 692, 693 và 738 Bộ luật Dân sự 1995;

Áp dụng các Điều 612, 613 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H về việc yêu cầu:

- Hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05/10/1999 giữa ông Huỳnh Văn T và bà Huỳnh Thị X đối với phần đất tranh chấp thuộc thửa đất số 244 (nay là thửa 984, 985, 986) và 415, cùng tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long).

- Yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần đất thuộc thửa đất số 244 (nay là thửa 984, 985, 986) và 415, cùng tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/9/2025, nguyên đơn bà Huỳnh Thị H kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Xét thấy kháng cáo của bà Huỳnh Thị H là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 84/2025/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị H; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Huỳnh Thị H kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp: Thửa đất tranh chấp có nguồn gốc và quá trình biến động như sau: thửa đất số 244 (hiện nay biến động thành các thửa: thửa 984, diện tích 1.043,7 m^2, thửa 985, diện tích 4.673,7 m^2, thửa 986, diện tích 1.659,1 m^2) và thửa đất số 415, diện tích 118,7 m^2, cùng tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long) có nguồn gốc là của ông Huỳnh Văn D và và Phan Thị M. Năm 1991, ông D bán phần đất nêu trên cho ông Huỳnh Văn M1 với giá 53 chỉ vàng 24K, tuy nhiên sau đó con, cháu của ông D xin chuộc lại (do ông T đại diện). Do thanh toán vàng không đủ tuổi nên giữa ông M1 và ông T phát sinh tranh chấp tại Tòa án và giải quyết bằng Quyết định công nhận hòa giải thành số 24 ngày 06/11/1992 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long), theo nội dung quyết định nêu trên thì ông T có nghĩa vụ trả cho ông M1 08 chỉ vàng để được quyền sử dụng đất đang tranh chấp, ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 07/10/1994. Sau đó, giữa ông T và bà X phát sinh tranh chấp và giải quyết bằng Quyết định công nhận hoà giải thành số 31 ngày 24/6/1999 của Toà án nhân dân thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là Toà án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long), theo nội dung quyết định nêu trên thì ông T có nghĩa vụ chuyển quyền sử dụng đất nêu trên cho bà X và bà X có nghĩa vụ giao cho ông T 08 chỉ vàng 24K. Ngày 05/10/1999, ông T ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu

trên cho bà X và bà X đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/7/2000.

[2.2] Bà Huỳnh Thị H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông D và bà M theo pháp luật, cụ thể là thửa đất số 244 (hiện nay biến động thành các thửa: thửa 984, diện tích 1.043,7 m^2, thửa 985, diện tích 4.673,7 m^2, thửa 986, diện tích 1.659,1 m^2) và thửa đất số 415, diện tích 118,7 m^2, cùng tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long). Bà H yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông D và bà M là bà H và bà X, cụ thể bà H yêu cầu nhận phần đất với tỷ lệ 43,39% là 3.252,1 m^2, tương đương giá trị với số tiền 1.626.315.000 đồng (tương đương với 23/53 chỉ vàng bỏ ra chuộc đất). Bà Huỳnh Thị X không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà H vì cho rằng các thửa đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng, định đoạt của bà, ông D và bà M đã bán phần đất này cho ông M1 và bà X là người đứng ra chuộc lại nên ông D và bà M không còn quyền định đoạt.

Xét thấy, mặc dù phần đất mà bà H yêu cầu chia di sản thừa kế có nguồn gốc là của ông D và bà M, tuy nhiên các bên thừa nhận vào năm 1991 thì ông D đã bán phần đất trên cho ông M1, sau đó giữa ông M1 với ông T và giữa ông T với bà X phát sinh tranh chấp được giải quyết tại Tòa án bằng các quyết định có hiệu luật pháp luật, từ đó ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 07/10/1994 và bà X được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/7/2000. Thời điểm ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông D và bà M không có ý kiến hay phát sinh tranh chấp cũng như thời điểm bà X được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông D không có ý kiến hay phát sinh tranh chấp. Ngoài ra, bà H trình bày số vàng chuộc lại phần đất nêu trên do bà H bán phần đất khác của bà được 23 chỉ vàng đưa cho ông D và bà M chuộc đất. Tuy nhiên bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có căn cứ xem xét chấp nhận lời trình bày của bà H. Do đó, đến thời điểm ông D và bà M chết, phần đất tranh chấp không còn thuộc quyền sử dụng, định đoạt của họ nên không phải là di sản thừa kế. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật và huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T và bà X là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Ông D và bà M có các con: Huỳnh Thị X, Huỳnh Thị H1 (Huỳnh Thị H2), Huỳnh Văn Q (hy sinh), Huỳnh Văn B (mất ngày 29/01/2017), Huỳnh Thị H. Tuy nhiên, Tòa án đã thu thập tài liệu, chứng cứ nhưng không tìm địa chỉ của bà

Huỳnh Thị H1, đồng thời do phần đất tranh chấp không phải là di sản thừa kế nên việc xác định hàng thừa kế là không cần thiết cho việc giải quyết vụ án.

[3] Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị H cũng như những lời trình bày, tranh luận tại phiên tòa xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà H là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Vì vậy, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên do bà H là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2025/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long.

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 244, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 691, 692, 693 và 738 Bộ luật Dân sự 1995;

Áp dụng các Điều 612, 613 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H về việc yêu cầu:

- Hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05/10/1999 giữa ông Huỳnh Văn T và bà Huỳnh Thị X đối với phần đất tranh chấp thuộc thửa đất số 244 (nay là thửa 984, 985, 986) và 415, cùng tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long).

- Yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần đất thuộc thửa đất số 244 (nay là thửa 984, 985, 986) và 415, cùng tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long).

2. Về chi phí thu thập chứng cứ: Chi phí thu thập chứng cứ là: 7.642.000 (bảy triệu, sáu trăm, bốn mươi hai nghìn) đồng, do yêu cầu khởi kiện của bà H không được chấp nhận nên bà H phải chịu toàn bộ chi phí nêu trên và đã thực hiện xong.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bà Huỳnh Thị H.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Khu vực 5 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 5 - Vĩnh Long;
- Phòng GĐ,KT,TT&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạt